

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về việc phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 107/TTr-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 30 tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 09 tháng 9 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Dân tộc;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTWQH;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Viện KSND, TAND, Cục THADS tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Phú Yên, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Truyền thông - Văn phòng UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH



Cao Thị Hòa An



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Kèm theo Nghị quyết số 31/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) các huyện; UBND các xã, thị trấn và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình (sau đây viết tắt là sở, ban, ngành và địa phương).
2. Cơ quan, tổ chức tham gia hoặc có liên quan đến lập, thẩm định và giao kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình trong giai đoạn 2021-2025.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Tuân thủ quy định của Luật Đầu tư công; Luật Ngân sách Nhà nước; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật khác có liên quan.
2. Ưu tiên bố trí thêm ngân sách địa phương để thực hiện một số lĩnh vực sau:
 - a) Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (sau đây viết tắt là DTTS&MN).
 - b) Ổn định dân cư vùng đồng bào DTTS&MN (ưu tiên cho địa bàn đặc biệt khó khăn), chú trọng xây dựng kết cấu hạ tầng và quy hoạch, bố trí, sắp xếp, ổn định dân cư phù hợp với cảnh quan, địa hình khu vực và đặc điểm kiến trúc của đồng bào dân tộc thiểu số (sau đây viết tắt là DTTS).

c) Huy động trẻ em trong độ tuổi đi học đến lớp; củng cố và phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú; tổ chức tốt việc dạy - học, nuôi dưỡng và chăm sóc học sinh DTTS nội trú, bán trú; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với nhà giáo, học sinh; đảm bảo đào tạo nghề nông thôn có địa chỉ và nhu cầu học tập của mọi người; dạy tiếng nói, chữ viết các DTTS.

d) Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch đi đôi với xóa bỏ phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng vùng đồng bào DTTS&MN trên địa bàn tỉnh Phú Yên giàu bản sắc văn hóa dân tộc.

e) Ưu tiên bố trí cấp bổ sung thêm ngân sách địa phương để thực hiện nhiệm vụ giai đoạn trước nhưng chưa đủ nguồn lực để thực hiện, nhiệm vụ được tích hợp tại nội dung Chương trình đã phê duyệt trước đây, để nhằm bảo đảm hiệu quả vốn đầu tư.

3. Bám sát các mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể của Chương trình giai đoạn 2021-2025 nhằm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; bảo đảm không vượt quá tổng mức vốn đầu tư, vốn sự nghiệp và không thay đổi cơ cấu nguồn vốn của Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Phân bổ vốn của Chương trình bảo đảm công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ tính toán, dễ áp dụng, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

5. Nguồn vốn phân bổ kế hoạch hàng năm của Chương trình phải phù hợp với kế hoạch trung hạn được cấp có thẩm quyền thông qua và khả năng cân đối ngân sách hàng năm; ưu tiên bố trí vốn hoàn thành các chương trình, dự án chuyển tiếp từ kế hoạch năm trước sang năm sau; ưu tiên các sở, ban, ngành và địa phương giải ngân nhanh để tạo điều kiện sớm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

Điều 4. Quy định tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình

Hàng năm, ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình (*trong đó đảm bảo từ ngân sách tỉnh là 50%, đảm bảo từ ngân sách huyện là 50% trong tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương*). Thực hiện việc phân bổ vốn theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này.

Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Tiêu chí, định mức và phương án phân bổ vốn thực hiện Chương trình

1. Tiêu chí, định mức và phương pháp tính toán, xác định nguồn vốn ngân sách nhà nước (*vốn đầu tư và vốn sự nghiệp*) phân bổ cho các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Chương trình được quy định từ Điều 7 đến Điều 16 của Quy định này.

2. Tổng số vốn (vốn đầu tư và vốn sự nghiệp) phân bổ cho từng sở, ban, ngành được tổng hợp từ vốn phân bổ cho từng sở, ban, ngành theo tỷ lệ % quy định trong tiêu chí phân bổ của Dự án, Tiểu dự án thành phần thứ i của Quy định này.

3. Tổng số vốn phân bổ cho địa phương thứ k (T_k) được tổng hợp từ vốn phân bổ của các Dự án, Tiểu dự án thành phần thứ i ($V_{k,i}$) của địa phương đó:

$$T_k = \sum_{i=1}^n V_{k,i}$$

Trong đó:

i là Dự án, Tiểu dự án thứ i

$$(i = \overline{1, n})$$

k là huyện thứ k

$$(k = \overline{1, 5})$$

Phương pháp tính toán, xác định vốn phân bổ của địa phương (k) theo tiêu chí của từng Dự án, Tiểu dự án thành phần (i):

$$V_{k,i} = Q_i \cdot X_{k,i}$$

Trong đó:

$V_{k,i}$: Vốn phân bổ của Dự án, Tiểu dự án thứ i cho địa phương thứ k.

$X_{k,i}$: Số điểm Dự án, Tiểu dự án thứ i của địa phương thứ k.

Q_i : Vốn định mức cho 01 điểm phân bổ của Dự án, Tiểu dự án thứ i

$$Q_i = \frac{G_i}{\sum_{k=1}^n X_{k,i}}$$

G_i : Vốn ngân sách nhà nước để phân bổ cho Dự án, Tiểu dự án thứ i cho các địa phương (sau khi trừ tổng số vốn phân bổ cho các sở, ban, ngành để thực hiện các Dự án, Tiểu dự án thành phần thứ i).

Điều 6. Căn cứ xác định các tiêu chí

1. Xã đặc biệt khó khăn (sau đây viết tắt là ĐBKK) được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã Khu vực III, Khu vực II, Khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 861/QĐ-TTg) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

2. Thôn ĐBKK không thuộc xã Khu vực III được xác định theo Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn ĐBKK vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 612/QĐ-UBND) và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

3. Tỷ lệ hộ nghèo của từng xã thuộc diện đầu tư của Chương trình được xác định theo số liệu để phân định xã Khu vực III, Khu vực II, Khu vực I vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg.

4. Số liệu hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư được xác định theo số liệu để xác định dân tộc còn gặp nhiều khó khăn theo Quyết định số 1227/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù giai đoạn 2021-2025.

5. Căn cứ số liệu rà soát nhu cầu thực tế của các cơ quan, đơn vị và địa phương liên quan.

Điều 7. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở	0,4	a	$0,4 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở	0,4	b	$0,4 \times b$
3	Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất	0,225	c	$0,225 \times c$
4	Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung	30	d	$30 \times d$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ số liệu rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề	0,1	a	$0,1 \times a$
2	Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	0,03	b	$0,03 \times b$
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện.

Điều 8. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn đầu tư đến 01 tỷ đồng được tính 10 điểm	10
2	Dự án có quy mô trên 01 tỷ đồng, cứ tăng thêm vốn đầu tư 100 triệu đồng được tính thêm	01
	Tổng cộng điểm	$X_{k,i}$

Nguồn số liệu căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện và các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm
1	Mỗi dự án có quy mô vốn sự nghiệp đến 10 triệu đồng được tính 0,1 điểm; phần còn lại cứ tăng thêm vốn sự nghiệp 10 triệu đồng được tính thêm	0,1
	Tổng cộng điểm	$X_{k,i}$

Nguồn số liệu căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện và các quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 9. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị

1. Tiêu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng (ha)	Tổng số điểm
1	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán bảo vệ rừng đối với rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.	0,004	a	$0,004 \times a$
2	Mỗi ha rừng được hỗ trợ bảo vệ rừng quy hoạch rừng phòng hộ và rừng sản xuất là rừng tự nhiên đã giao cho cộng đồng, hộ gia đình.	0,004	b	$0,004 \times b$
3	Mỗi ha rừng được hỗ trợ khoán nuôi tái sinh có trồng rừng bổ sung.	0,016	c	$0,016 \times c$
4	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng sản xuất, khai thác kinh tế dưới tán rừng và phát triển lâm sản ngoài gỗ.	0,1	d	$0,1 \times d$
5	Mỗi ha rừng được hỗ trợ trồng rừng phòng hộ.	0,3	e	$0,3 \times e$
6	Mỗi tấn gạo trợ cấp trồng rừng cho hộ nghèo tham gia trồng rừng sản xuất, phát triển lâm sản ngoài gỗ, rừng phòng hộ.	0,12	f	$0,12 \times f$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b, c,...) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp.

2. Tiêu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng được liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN.

a) Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 17% tổng số vốn của Tiêu dự án (*Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn không quá 10%; Sở Y tế và Ban Dân tộc không quá 07%*).

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành theo quy định tại điểm a, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng được liệu quý	290	a	$290 \times a$
2	Mỗi Trung tâm nhân giống, bảo tồn và phát triển được liệu ứng dụng công nghệ cao	300	b	$300 \times b$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 09% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án để xây dựng mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào DTTS&MN (*Ban Dân tộc không quá 3,8%; Sở Công Thương không quá 0,7%; Sở Y tế không quá 03%; các cơ quan: Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Tỉnh Đoàn, Hội Nông dân tỉnh mỗi đơn vị không quá 0,5%*).

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành theo quy định tại điểm b, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

Phân bổ vốn hỗ trợ phát triển vùng trồng được liệu quý: Không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của Tiểu dự án:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi huyện thực hiện dự án trồng được liệu quý	310	a	$310 \times a$
2	Mỗi huyện thực hiện xây dựng Trung tâm giống cây được liệu quý	270	b	$270 \times b$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng (a, b) căn cứ số liệu nhu cầu thực tế của các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan.

Phân bổ vốn phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư:

TT	Nội dung tiêu chí	Điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (<i>xã Khu vực III</i>)	28	a	$28 \times a$
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã Khu vực III (<i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã</i>)	5	b	$5 \times b$
3	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,15	c	$0,15 \times c$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Điều 10. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Tiểu dự án 1 - Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN thuộc Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào DTTS&MN và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (<i>xã Khu vực III</i>)	100	a	100 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã Khu vực III (<i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài khu vực III</i>)	15	b	15 x b
3	Cứ 1 km cứng hoá đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa	16	c	16 x c
4	Cứ xây mới 1 trạm y tế xã	40	d	40 x d
5	Cứ cải tạo sửa chữa 1 trạm y tế xã	8	e	8 x e
6	Cứ xây mới 1 chợ vùng đồng bào DTTS&MN	44	f	44 x f
7	Cứ cải tạo, sửa chữa, nâng cấp 1 chợ vùng đồng bào DTTS&MN	8	g	8 x g
8	Mỗi công trình cầu giao thông kết nối các xã Khu vực III, thôn ĐBKK	500	h	500 x h
9	Mỗi công trình hạ tầng lưới điện cho các xã Khu vực III, thôn ĐBKK	1.000	i	1000 x i
10	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,3	k	0,3 x k
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số liệu chợ; trạm y tế; số km cứng hóa đường đến trung tâm xã, đường liên xã chưa được cứng hóa, công trình cầu giao thông kết nối, hạ tầng lưới điện cho các xã Khu vực III, thôn ĐBKK, căn cứ số liệu rà soát thực tế của UBND các huyện.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã Khu vực III)	9	a	9 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã Khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài Khu vực III)	1,8	b	1,8 x b
3	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi trạm y tế xây mới và cải tạo	2,5	c	2,5 x c
4	Cứ 1% tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK	0,03	d	0,03 x d
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Hỗ trợ trang thiết bị cho trạm y tế xây mới và cải tạo, căn cứ số liệu nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của UBND các huyện.

Điều 11. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

1. Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS.

a) Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi phòng công vụ giáo viên bổ sung, nâng cấp	1,446	a	1,446 x a
2	Mỗi phòng ở cho học sinh bán trú, nội trú bổ sung, nâng cấp	1,446	b	1,446 x b
3	Mỗi phòng quản lý cho học sinh bán trú, nội trú và phòng hiệu bộ bổ sung, nâng cấp	1,446	c	1,446 x c
4	Mỗi nhà ăn + nhà bếp ăn bổ sung, nâng cấp	5,784	d	5,784 x d
5	Mỗi nhà kho chứa lương thực bổ sung, nâng cấp	4,5	e	4,5 x đ
6	Mỗi công trình vệ sinh, nước sạch bổ sung, nâng cấp	4,5	f	4,5 x e
7	Mỗi nhà sinh hoạt, giáo dục văn hoá dân tộc bổ sung, nâng cấp	4,5	g	4,5 x g

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
8	Mỗi phòng học thông thường và phòng học bộ môn bổ sung, nâng cấp	3,759	h	3,759 x h
9	Mỗi công trình phụ trợ khác (<i>sân chơi, bãi tập, vườn ươm cây...</i>) bổ sung, nâng cấp	2	i	2 x i
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d,...) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo không quá 10% tổng vốn sự nghiệp của Dự án.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định tại điểm b, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi người học xóa mù chữ	0,5	a	0,5 x a
2	Mỗi lớp học xóa mù chữ	10	b	10x b
3	Mỗi bộ tài liệu, sách giáo khoa, văn phòng phẩm phát cho người học	0,05	c	0,05 x c
4	Mỗi đơn vị mua sắm trang thiết bị	500	d	500 x d
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện.

2. Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào DTTS.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Nội dung 1. Bồi dưỡng kiến thức dân tộc

Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc 100% tổng số vốn của Tiểu dự án để thực hiện nội dung bồi dưỡng kiến thức dân tộc (*theo Kế hoạch được UBND tỉnh phê duyệt*).

Phân bổ vốn cho các địa phương: Không.

3. Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho Sở Lao động-Thương binh và Xã hội không quá 2,5% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy định tại điểm b, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi học viên được đào tạo nghề	0,035	a	$0,035 \times a$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Số lượng học viên được đào tạo nghề (a) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

4. Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc không quá 20% tổng số vốn sự nghiệp của Tiểu dự án.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho Ban Dân tộc theo quy định tại điểm b, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (xã Khu vực III)	15	a	$15 \times a$
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã Khu vực III (Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài Khu vực III)	1,5	b	$1,5 \times b$
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Điều 12. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các DTTS gắn với phát triển du lịch

1. Phân bổ vốn đầu tư

a) Phân bổ vốn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch không quá 05% vốn đầu tư Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch theo quy định tại điểm a, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cho mỗi một điểm đến du lịch tiêu biểu	7	a	7 x a
2	Hỗ trợ đầu tư bảo tồn mỗi một thôn, buôn truyền thống tiêu biểu của các DTTS	60	b	60 x b
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hoá, thể thao tại các thôn, buôn vùng đồng bào DTTS&MN	2	c	2 x c
4	Hỗ trợ xây dựng mỗi một mô hình bảo tàng sinh thái nhằm bảo tàng hóa di sản văn hóa phi vật thể trong cộng đồng các DTTS, hướng tới phát triển cộng đồng và phát triển du lịch	60	d	60 x d
5	Hỗ trợ tu bổ, tôn tạo cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS	60	e	60 x e
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, e) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổng hợp.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch không quá 20% tổng số vốn sự nghiệp của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch theo quy định tại điểm a, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Khảo sát, kiểm kê, sưu tầm, tư liệu hoá di sản văn hóa truyền thống của đồng bào DTTS cho mỗi huyện vùng đồng bào DTTS&MN	10	a	10 x a
2	Tổ chức bảo tồn các loại hình văn hoá phi vật thể (<i>mỗi lễ hội; mỗi mô hình văn hoá truyền thống; mỗi dự án nghiên cứu, phục dựng, bảo tồn; mỗi thôn, buôn văn hóa truyền thống; mỗi chương trình tuyên truyền, quảng bá văn hoá truyền thống văn hoá các DTTS...</i>)	3,5	b	3,5 x b

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
3	Hỗ trợ mỗi nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú người DTTS trong việc lưu truyền, phổ biến hình thức sinh hoạt văn hóa truyền thống và đào tạo, bồi dưỡng những người kế cận	0,6	c	0,6 x c
4	Tổ chức mỗi lớp tập huấn, truyền dạy, câu lạc bộ (<i>mỗi lớp tập huấn; mỗi câu lạc bộ sinh hoạt văn hoá dân gian...</i>)	2	d	2 x d
5	Hỗ trợ hoạt động cho mỗi đội văn nghệ truyền thống	0,5	e	0,5 x e
6	Xây dựng nội dung, xuất bản mỗi ấn phẩm xuất bản sách, đĩa, đĩa phim tư liệu về văn hoá truyền thống đồng bào DTTS	20	f	20 x f
7	Tổ chức Ngày hội, Giao lưu, Liên hoan về các loại hình văn hóa, nghệ thuật truyền thống của đồng bào DTTS	10	g	10 x g
8	Tổ chức mỗi hoạt động thi đấu thể thao truyền thống các DTTS	3	h	3 x h
9	Hỗ trợ xây dựng tủ sách cộng đồng cho mỗi xã vùng đồng bào DTTS&MN	0,3	i	0,3 x i
10	Hỗ trợ trang thiết bị cho mỗi nhà văn hoá tại các thôn, buôn vùng đồng bào DTTS	0,3	k	0,3 x k
11	Hỗ trợ chống xuống cấp cho mỗi di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia có giá trị tiêu biểu của các DTTS	5	l	5 x l
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

Số lượng (a, b, c, d, ...) căn cứ rà soát nhu cầu thực tế của UBND các huyện và Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch tổng hợp.

Điều 13. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 7: Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người DTTS; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho Sở Y tế không quá 10% tổng số vốn sự nghiệp của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho Sở Y tế theo quy định tại điểm a, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã Khu vực III	50	a	50 x a
2	Mỗi xã Khu vực II	30	b	30 x b
3	Mỗi xã Khu vực I	15	c	15 x c
	Tổng cộng			$X_{k,i}$

Điều 14. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em

1. Phân bổ vốn đầu tư: Không.

2. Phân bổ vốn sự nghiệp

a) Phân bổ vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh không quá 12% tổng vốn sự nghiệp của Dự án.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh theo quy định tại điểm a, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK (<i>xã Khu vực III</i>)	10	a	10 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã Khu vực III (<i>Số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 04 thôn/xã ngoài Khu vực III</i>)	2	b	2 x b
	Tổng cộng điểm			$X_{k,i}$

Điều 15. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm DTTS còn nhiều khó khăn và khó khăn đặc thù

1. Tiểu dự án 1: Đầu tư tạo sinh kế bền vững, phát triển kinh tế - xã hội nhóm DTTS còn nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc không quá 01% tổng số vốn sự nghiệp.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho Ban Dân tộc theo quy định tại điểm b, khoản này.

Vốn cho sửa chữa các công trình cơ sở hạ tầng không quá 10% vốn Tiểu dự án phân bổ cho địa phương.

Phân bổ vốn theo tiêu chí: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi hộ DTTS còn gặp nhiều khó khăn thuộc địa bàn đầu tư	0,15	a	0,15 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

2. Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào DTTS&MN.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp:

Phân bổ vốn cho Ban Dân tộc không quá 16% vốn sự nghiệp của Tiểu dự án.

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho Ban Dân tộc theo quy định tại điểm b, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi tỷ lệ tảo hôn + Tỷ lệ hôn nhân cận huyết	5	a	5 x a
2	Mỗi xã Khu vực I	1	b	1 x b
3	Mỗi xã Khu vực II	1,5	c	1,5 x c
4	Mỗi xã Khu vực III	3	d	3 x d
5	Mỗi mô hình được thực hiện	2	e	2 x e
	Tổng số			X_{k,i}

Tỷ lệ tảo hôn, tỷ lệ hôn nhân cận huyết, căn cứ kết quả rà soát số liệu thực tế của UBND các huyện.

Số mô hình thực hiện (e) là 20% của tổng số xã Khu vực III, II của huyện, được xác định theo Quyết định số 861/QĐ-TTg và các Quyết định sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Điều 16. Tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào DTTS&MN. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình

1. Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò

của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN giai đoạn 2021-2030.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Phân bổ không quá 67% tổng số vốn sự nghiệp (*Ban Dân tộc không quá 61%; BCH Quân sự tỉnh không quá 02%; Sở Tư pháp không quá 01%; Sở Thông tin và Truyền thông không quá 03%*).

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành theo quy định tại điểm b, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã thuộc vùng đồng bào DTTS	27	a	27 x a
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

2. Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS&MN.

a) Phân bổ vốn đầu tư

Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 25% tổng số vốn đầu tư của Tiểu dự án (*Ban Dân tộc không quá 24,5%; Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 0,5%*).

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành theo quy định tại điểm a, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS&MN	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã Khu vực III (<i>số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã</i>)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 67% tổng số vốn sự nghiệp

(Ban Dân tộc không quá 50%; Sở Thông tin và Truyền thông không quá 02%; Liên minh Hợp tác xã tỉnh không quá 15%).

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành theo quy định tại điểm b, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã ĐBKK thuộc vùng đồng bào DTTS&MN	30	a	30 x a
2	Mỗi thôn ĐBKK không thuộc xã Khu vực III (số thôn ĐBKK được tính điểm phân bổ vốn không quá 4 thôn/xã)	0,5	b	0,5 x b
	Tổng cộng điểm			X_{k,i}

3. Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình.

a) Phân bổ vốn đầu tư: Không.

b) Phân bổ vốn sự nghiệp

Phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành: Không quá 55% tổng số vốn sự nghiệp của tiểu dự án (Ban Dân tộc không quá 23,5%; Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn không quá 2,5%; các Sở: Giáo dục và Đào tạo; Lao động - Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Kế hoạch và Đầu tư; Giao thông vận tải; Công Thương; Nội vụ; Tư pháp; Thông tin và Truyền thông, mỗi sở không quá 01%; các cơ quan: BCH Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Ngân hàng Nhà nước tỉnh; Ngân hàng Chính sách Xã hội tỉnh; Liên minh Hợp tác xã tỉnh; Ban Dân vận Tỉnh ủy; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh; Tỉnh Đoàn; Hội Nông dân tỉnh, mỗi cơ quan không quá 01%; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh không quá 10%).

Phân bổ vốn cho các địa phương: Là số vốn còn lại sau khi đã phân bổ vốn cho các sở, ban, ngành theo quy định tại điểm b, khoản này. Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

TT	Nội dung tiêu chí	Số điểm	Số lượng	Tổng số điểm
1	Mỗi xã Khu vực III	5	a	5 x a
2	Mỗi xã Khu vực II	2	b	2 x b
3	Mỗi xã Khu vực I	1	c	1 x c
	Tổng cộng			X_{k,i}

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm sẽ ổn định trong trong giai đoạn 2021-2025, là căn cứ để các sở, ban, ngành và địa phương xác định nguồn lực, lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình trong giai đoạn 2021-2025.

2. UBND tỉnh, các sở, ban, ngành và địa phương chịu trách nhiệm sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án trong phương án bố trí vốn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm phù hợp với khả năng cân đối vốn và định hướng ưu tiên phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh và địa phương mình.

3. Đối với các huyện, tiêu chí và hệ số phân bổ nêu trên là cơ sở để phân bổ nguồn ngân sách nhà nước bổ sung cho từng huyện. Căn cứ đặc điểm tình hình từng địa phương, UBND cấp huyện xây dựng phương án phân bổ cho các cơ quan, đơn vị cấp huyện và ngân sách cấp xã trình HĐND cùng cấp quyết định chi tiết theo từng nhiệm vụ, dự án, tiểu dự án, phù hợp nhiệm vụ và dự toán cấp trên giao, thực hiện thủ tục phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn liên quan để triển khai thực hiện.

4. Trường hợp các văn bản được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng quy định tại văn bản mới./.
